

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6
Thành phố Hồ Chí Minh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 321/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 19-5-2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Nhân

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Lưu Ly

2/ Bà Vũ Thị Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Quý – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 53/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2023 về tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Tú T, sinh năm: 1994; địa chỉ 365/36/154 đường H, phường K, quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

- Bị đơn: Ông Nguyễn Minh T, sinh năm: 1987; địa chỉ thường trú: Ấp 1, xã L, huyện C, tỉnh Long An; địa chỉ nơi làm việc: số 6 đường số 29, Phường J, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/02/2023, bản tự khai và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Trần Thị Tú T trình bày: bà và ông Nguyễn Minh T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2016, có tổ chức đám cưới nhưng đến năm 2018 mới đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 75/2018 đăng ký ngày 19/7/2018 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Long An. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc nhưng từ năm 2021 thì ông T đi làm không về

nhà và không quan tâm đến vợ con. Từ năm 2021 đến nay thì vợ chồng bà đã sống ly thân với nhau. Cứ khoảng 2 tháng thì ông T ghé nhà thăm con và chu cấp cho con 3.000.000 đồng. Bà và ông T chỉ nói chuyện với nhau về chuyện của con, không ai còn quan tâm đến ai. Nay bà xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông T nữa nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: bà và ông Nguyễn Minh T có với nhau 01 (một) con chung tên là: Nguyễn Ngọc Tú A, sinh ngày: 12/11/2018, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng trẻ Tú A

Về cấp dưỡng nuôi con: bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có

Tại bản tự khai đề ngày 21/3/2023 bị đơn ông Nguyễn Minh T trình bày: Trong quá trình chung sống vợ chồng ông sống hạnh phúc không có mâu thuẫn. Ông làm thợ bạc thường hay ở lại chỗ làm, vào đợt dịch Covid ông cách ly với gia đình không về nhà nên bà T hiểu lầm ông bỏ bê gia đình chính vì vậy mà vợ chồng ông xảy ra mâu thuẫn. Ông đã nhiều lần hàn gắn với bà T nhưng bà T đều từ chối. Vợ chồng ông đã sống ly thân với nhau gần hai năm nay. Nay ông cũng đồng ý ly hôn với bà T.

Về con chung: ông và bà T có với nhau 01 (một) con chung tên là: Nguyễn Ngọc Tú A, sinh ngày: 12/11/2018, ông đồng ý giao trẻ Tú A cho bà T nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: ông và bà T tự thỏa thuận giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: không có

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn vắng mặt nhưng cũng đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Việc đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: bà Trần Thị Tú T và ông Nguyễn Minh T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Như vậy, hôn nhân giữa bà T và ông T là hôn nhân hợp pháp. Tại phiên tòa hôm nay, bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn. Ông T cũng đã có bản tự khai đồng ý ly hôn với bà T. Nhận thấy mâu thuẫn giữa bà T và ông T đã trầm trọng, cuộc sống chung không hạnh phúc. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T được ly hôn với ông T. Về con chung: giao trẻ Nguyễn Ngọc Tú A, sinh ngày: 12/11/2018 cho bà T chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con: ghi nhận việc bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: đương

sự không cầu nên không xem xét giải quyết. Về án phí: bà T nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết:

Bà Trần Thị Tú T có đơn yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Minh T, ông T có địa chỉ nơi làm việc tại số 06 đường số 29, Phường J, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án nhân dân Quận 6 thụ lý và giải quyết theo khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Bị đơn ông Nguyễn Minh T có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Theo như lời trình bày của bà Trần Thị Tú T và ông Nguyễn Minh T thì trong thời gian sống chung vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng không có sự tin tưởng lẫn nhau, không quan tâm và chăm sóc lẫn nhau. Từ hai năm nay thì vợ chồng đã sống ly thân và không ai còn quan tâm đến ai. Bà T xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông T nên yêu cầu được ly hôn với ông T. Ông T cũng đồng ý ly hôn với bà T.

Hội đồng xét xử xét thấy, Theo Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: *“Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau...”* nhưng giữa vợ chồng bà T và ông T đã không có sự tôn trọng, quan tâm, thương yêu và chăm sóc lẫn nhau. Cả hai đã sống ly thân với nhau hai năm nay không ai còn quan tâm đến ai. Trong quá trình giải quyết vụ án, cả ông T và bà T đều yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải và đều đồng ý ly hôn với nhau. Như vậy, mâu thuẫn giữa bà Trần Thị Tú T và ông Nguyễn Minh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định cho bà Trần Thị Tú T được ly hôn với ông Nguyễn Minh T là phù hợp theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: bà T và ông T xác nhận có với nhau 01 (một) con chung tên là: Nguyễn Ngọc Tú A, sinh ngày: 12/11/2018. Hiện nay trẻ Tú A đang do bà T nuôi dưỡng, bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng trẻ Nguyễn Ngọc Tú A. Tại bản tự khai ngày 21/3/2023 ông T cũng đồng ý giao trẻ Tú A cho bà T nuôi dưỡng. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao trẻ Nguyễn Ngọc Tú A, sinh ngày: 12/11/2018 cho bà T nuôi dưỡng đến khi trẻ trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: bà T và ông T khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) do bà Trần Thị Tú T nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 81,82,83,84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Tú T

1. Về quan hệ hôn nhân: bà Trần Thị Tú T được ly hôn với ông Nguyễn Minh T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 75/2018, đăng ký ngày 19/7/2018 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Long An cấp cho bà Trần Thị Tú T và ông Nguyễn Minh T không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao trẻ Nguyễn Ngọc Tú A, sinh ngày: 12/11/2018 cho bà Trần Thị Tú T nuôi dưỡng đến khi trẻ trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Bà Trần Thị Tú T có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi khi ông Nguyễn Minh T đến thăm nom, chăm sóc con chung. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên đều có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: bà T và ông T khai không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) do bà Trần Thị Tú T nộp được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0012954 ngày 16/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6. Bà T đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các

Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 6;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6;
- UBND xã L, huyện C, tỉnh Long An
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Thanh Nhàn